

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-8-2025
Về việc: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoàng

Ông Vũ Văn Quân

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Trần Quốc Huỳnh – Thư ký
Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 95/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 05 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 07 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị L, sinh năm: 1982; nơi cư trú: ấp H, xã T, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp H, xã K, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1975; nơi cư trú: ấp H, xã T, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp H, xã K, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt mà không phải do sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, B tự khai và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ kiện như sau:

Bà Trần Thị L xác lập quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn Q vào năm 1997, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở quen biết và có tìm hiểu nhau trước. Bà L và ông Q đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Long An (hiện nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 70/2002, quyển số 01, ngày 10/7/2002.

Bà L và ông Q chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, ông Q sống không chung thủy, quan hệ lãng nhãng với người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Bà L và ông Q sống ly thân từ 2022 cho đến nay. Hiện nay, bà L yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung: bà L và ông Q có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 13/3/2000 và Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 02/02/2002. T đã có gia đình riêng, còn T1 bị bại não nên bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc T1 bị bệnh không có khả năng lao động, bà không yêu cầu ông Nguyễn Văn Q phải cấp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: bà L và ông Q không có tài sản chung.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn Q: ông Q vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Q nên hồ sơ vụ án không thể hiện ý kiến của ông Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú ấp H, xã K, huyện T, tỉnh Long An; hiện nay địa chỉ mới là ấp H, xã T, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, hiện nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: bị đơn là ông Nguyễn Văn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy đã đủ điều kiện xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn Q chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Long An; hiện nay là xã T, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70/2002 ngày 10/7/2002 nên quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn Q là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bà L trình bày sau khi kết hôn, giữa bà L và ông Q có cuộc sống hạnh phúc được thời gian đầu. Thời gian gần đây thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Q có mối quan hệ bên ngoài, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã với nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên giữa vợ chồng đã

sống ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Hiện nay, bà L vẫn cương quyết đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

Ông Q đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đã vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đến lần thứ hai và không có văn bản trình bày ý kiến của anh về yêu cầu xin ly hôn của bà L.

Hội đồng xét xử xét thấy bà L và ông Q đã mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau nhiều năm, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau, cuộc sống nhân không hạnh phúc. Hiện nay bà L vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn với ông Q. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà L và ông Q đã đến mức trầm trọng, tình cảm giữa vợ và chồng không còn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung:

Trong thời gian chung sống với nhau, giữa bà Trần thị L và ông Nguyễn Văn Q có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 13/01/2000 và Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 02/02/2002. Con chung của bà L1 và ông T1 đều đã thành niên. Tuy nhiên, con chung là Nguyễn Ngọc T1 bị bại não, không có khả năng lao động nên bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà L đề nghị Toà án giải quyết giao con chung là Nguyễn Ngọc T1 cho bà L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy thời gian qua, con chung do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo các mặt đời sống cho con và vẫn đảm bảo quyền lợi cho con. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà L về việc giao con chung đã thành niên nhưng không có khả năng lao động là Nguyễn Ngọc T1 cho bà L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng: theo đơn khởi kiện, bà L không yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Ông Nguyễn Văn Q được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: bà Trần Thị L xác định bà và ông Nguyễn Văn Q không có tài sản chung, nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Về án phí: bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L:

1.1. Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

1.2. Về con chung:

Bà Trần Thị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đã thành niên nhưng không có khả năng lao động tên Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 02/02/2002.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn Q, người thân thích của anh Nguyễn Ngọc T1 hoặc cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: bà Trần Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị L2 đã nộp theo biên lai thu số 0003933 ngày 05/05/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An; hiện nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Tây Ninh sang thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 2 - Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh
- Phòng THADS khu vực 2 - Tây Ninh;
- UBND xã Tân Tân Thạnh, tỉnh Tây Ninh
- Các đương sự;
- Lưu HS.
- Lưu AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Ánh